|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD &ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS THANH AM****Năm học 2022 – 2023****ĐL9-CKII-101** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II****MÔN ĐỊA LÍ 9****Thời gian: 45 phút*****(Ngày kiểm tra: 12/4/2023)*** |

***Học sinh tô chữ cái đầu đáp án đúng nhất cho các câu sau vào phiếu bài làm.***

**Câu 1.** Vùng nào có diện tích trồng cao su lớn nhất nước ta?

 **A.** Tây Nguyên. **B.** Bắc Trung Bộ.

 **C.** Đông Nam Bộ. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 2.** Nhiệm vụ quan trọng trong ngành lâm nghiệp đang được các địa phương ở Đông Nam Bộ đầu tư

 là gì ?

 **A.** Tăng sản lượng gỗ khai thác. **B.** Tìm thị trường cho việc xuất khẩu gỗ.

 **C.** Bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn. **D.** Phát triên công nghiệp sản xuất gỗ giấy.

**Câu 3.** Đặc điểm dân cư - xã hội **không** đúngvới Đông Nam Bộ là gì ?

 **A.** Là vùng có dân số đông. **B.** Người dân năng động, sáng tạo.

 **C.** Có nhiều di tích lịch sử, văn hóa. **D.** Mật độ dân số cao nhất cả nước.

**Câu 4.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết tuyến đường ô tô nào nối liền vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên?

 **A.** Quốc lộ 14 và 20. **B.** Quốc lộ 13 và 14. **C.** Quốc lộ 1 và 14. **D.** Quốc lộ 1 và 13.

**Câu 5.** Yếu tố nào sau đây **không** phải là lợi thế thu hút vốn đầu tư của nước ngoài vào Đông Nam Bộ?

 **A.** Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên. **B.** Lao động có chuyên môn kỹ thuật.

 **C.** Cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng. **D.** Khí hậu nhiệt đới có một mùa khô.

**Câu 6.** Yếu tố nào **không** ảnh hưởng đến sự phát triển cây cao su ở Đông Nam Bộ?

 **A.** Thị trường ổn định. **B.** Tỉ lệ dân thành thị cao.

 **C.** Có đất xám, đất đỏ ba dan. **D.** Khí hậu nóng ẩm quanh năm.

**Câu 7.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây lớn nhất

ở Đông Nam Bộ?

 **A.** Thành phố Hồ Chí Minh. **B.** Biên Hòa.

 **C.** Bình Dương. **D.** Đồng Nai.

**Câu 8.** Khó khăn lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ để phát triển nông nghiệp là gì?

 **A.** Diện tích đất canh tác không lớn. **B.** Chậm chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

 **C.** Cơ sở vật chất, kĩ thuật kém phát triển. **D.** Mùa khô kéo dài, thiếu nước nghiêm trọng.

**Câu 9.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết vùng nào sau đây có diện tích trồng lúa lớn nhất cả nước?

 **A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

 **C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 10.** Loại hình giao thông phổ biến ở khắp các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long là gì?

 **A.** Đường ô tô. **B.** Đường biển. **C.** Đường sông. **D.** Đường sắt.

**Câu 11.** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh/thành phố nào?

 **A.** Khánh Hòa. **B.** Đà Nẵng. **C.** Bình Thuận. **D.** Quảng Ninh.

**Câu 12.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về vai trò của đồng bằng sông Cửu Long trong việc sản xuất lương thực, thực phẩm của cả nước?

 **A.** Sản xuất hơn 50% sản lượng lương thực toàn quốc.

 **B.** Dẫn đầu cả nước về trồng mía, cây ăn quả.

 **C.** Cung cấp gần 30% sản lượng thuỷ sản của cả nước.

 **D.** Phát triển mạnh chăn nuôi lợn, gia cầm.

**Câu 13.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, hai trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng?

 **A.** Cà Mau; Sóc Trăng. **B.** Mĩ Tho; Sóc Trăng.

 **C.** Rạch Giá; Sóc Trăng. **D.** Cần Thơ; Cà Mau.

**Câu 14.** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết tổng GDP của đồng bằng sông Cửu Long là bao nhiêu?

 **A.** 202 293,8 tỉ đồng. **B.** 203 293,8 tỉ đồng.

 **C.** 204 293,8 tỉ đồng. **D.** 205 293,8 tỉ đồng.

**Câu 15.** Đâu là nguyên nhân chính gây ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Mưa lớn và triều cường. **B.** Bão lớn và lũ nguồn về.

 **C.** Mưa bão trên diện rộng. **D.** Không có đê sông ngăn lũ.

**Câu 16.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết vùng nào có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất nước ta?

 **A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 17.** Đường bờ biển nước ta dài bao nhiêu km?

 **A.** 2360 km. **B.** 2500 km. **C.** 2632 km. **D.** 3260 km.

**Câu 18.** Bãi biển Trà Cổ thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Kiên Giang. **B.** Quảng Ninh. **C.** Hải Phòng. **D.** Khánh Hòa.

**Câu 19.** Khoáng sản có giá trị nhất ở vùng biển nước ta là gì?

 **A.** Cát trắng. **B.** Titan. **C.** Dầu khí. **D.** Muối.

**Câu 20.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết hai quần đảo nào sau đây có nhiều rạn san hô?

 **A.** Trường Sa và Cô Tô. **B.** Thổ Chu và Côn Sơn.

 **C.** Hoàng Sa và Côn Sơn. **D.** Hoàng Sa và Trường Sa.

**Câu 21.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp biển?

 **A.** Điện Biên. **B.** Cà Mau. **C.** Gia Lai. **D.** Hà Giang.

**Câu 22.** Ý nghĩa về mặt an ninh quốc phòng của các đảo và quần đảo ở nước ta là gì?

 **A.** Cơ sở để khẳng định chủ quyền nước ta trên vùng biển và thềm lục địa.

 **B.** Tạo việc làm và nâng cao đời sống của người dân vùng đảo Việt Nam.

 **C.** Hệ thống căn cứ để nước ta tiến ra biển.

 **D.** Cơ sở để khai thác các nguồn lợi thủy sản.

**Câu 23.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2016 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2016** |
| Tổng sản lượng thuỷ sản  | 2 250,5 | 3 465,9 | 5142,7 | 6895 |
| Khai thác | 1 660,9 | 1 987,9 | 2414,4 | 3237 |
| Nuôi trồng | 589,6 | 1 478,0 | 2728,3 | 3658 |

Từ bảng số liệu, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về sản lượng thủy sản nước ta, giai đoạn

2000 - 2016?

 **A.** Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng.

 **B.** Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn khai thác.

 **C.** Tổng sản lượng thủy sản tăng.

 **D.** Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác.

**Câu 24.** Theo sự phân chia hành chính, hiện nay Hà Nội gồm bao nhiêu quận, huyện, thị xã?

 **A.** 13 quận, 1 thị xã, 17 huyện. **B.** 12 quận, 1 thị xã, 18 huyện.

 **C.** 12 quận, 1 thị xã, 17 huyện. **D.** 14 quận, 1 thị xã, 17 huyện.

**Câu 25.** Các bộ phận nào hợp thành vùng biển nước ta?

 **A.** Lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và vùng thềm lục địa.

 **B.** Vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải và các đảo.

 **C.** Vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

 **D.** Vùng nội thủy, vùng tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

**Câu 26.** Vùng nào sau đây có nghề làm muối phát triển mạnh nhất nước ta?

 **A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

 **C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 27.** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5 cho biếtđảo nào có diện tích lớn nhất nước ta?

 **A.** Cái Bầu. **B.** Phú Qúy. **C.** Cái Bà. **D.** Phú Quốc.

**Câu 28.** Vì sao nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông vận tải đường biển?

 **A.** Xu thế mở rộng quan hệ buôn bán quốc tế.

 **B.** Có vị trí ngã tư đường hàng hải quốc tế.

 **C.** Có vai trò kết nối giữa đất liền và các đảo, quần đảo.

 **D.** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho xây dựng nhiều cảng biển.

**Câu 29.** Nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố giáp biển?

 **A.** 28. **B.** 26. **C.** 27. **D.** 25.

**Câu 30.** Năm 2021 dân số Hà Nội là 8,33 triệu người, diện tích là 3359,82km2. Mật độ dân số của Hà Nội là bao nhiêu?

 **A.** 2479 người/km2. **B.** 2749 người/km2. **C.** 2499 người/km2. **D.** 2489 người/km2.

**Câu 31.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, sắp xếp các vùng kinh tế biển của duyên hải Nam Trung Bộ theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

 **A.** Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong.

 **B.** Dung Quất, Nhơn Hội, nam Phú Yên, Chu Lai, Vân Phong.

 **C.** Chu Lai, Dung Quất, nam Phú Yên, Vân Phong, Nhơn Hội.

 **D.** Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Dung Quất Chu Lai, Vân Phong.

**Câu 32.** Lãnh hải của nước ta rộng bao nhiêu hải lí?

 **A.** 12. **B.** 11. **C.** 13. **D.** 10.

**Câu 33.** Hà Nội thuộc vùng kinh tế nào?

 **A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** Đông Nam Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 34.** Nguyên nhân nào làm cho nghề sản xuất muối phát triển mạnh ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ?

 **A.** Mùa khô kéo dài và có ít sông đổ ra biển. **B.** Thủy triều thấp, ít ảnh hưởng các ruộng muối.

 **C.** Có đường bờ biển dài, nắng quanh năm. **D.** Bãi biển phẳng, dễ xây dựng ruộng muối.

**Câu 35.** Biện pháp nào sau đây có vai trò quan trọng nhất góp phần tăng sản lượng khai thác hải sản ở nước ta?

 **A.** Đầu tư phương tiện đánh bắt xa bờ. **B.** Hình thành các cảng cá dọc bờ biển.

 **C.** Xây dựng các nhà máy chế biến. **D.** Tập trung khai thác hải sản ven bờ.

**Câu 36.** Tài nguyên nào dưới đây được coi là vô tận của vùng biển nước ta?

 **A.** Muối. **B.** Dầu mỏ. **C.** Khí tự nhiên. **D.** Titan.

**Câu 37.** Vùng lãnh hải nước ta rộng 12 hải lí, khoảng cách này tương đương bao nhiêu km?

 **A.** 22,227 km. **B.** 22,226 km. **C.** 22,225 km. **D.** 22,224 km.

**Câu 38.** Điều kiện thuận lợi để phát triển ngành giao thông vận tải biển ở nước ta là gì?

 **A.** Các tuyến đường ven biển chủ yếu hướng Bắc - Nam.

 **B.** Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió.

 **C.** Khối lượng hàng hóa luân chuyển tương đối lớn.

 **D.** Cả nước có khoảng 120 cảng biển lớn nhỏ.

**Câu 39.** Nét đặc trưng của vùng địa lí thành phố Hà Nội là gì?

 **A.** Thành phố trong sông. **B.** Cực Nam của Việt Nam.

 **C.** Đồng bằng sông chín nhánh Rồng. **D.** Thành phố ngoài sông.

**Câu 40.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào có sản lượng thủy sản khai thác cao nhất nước ta?

 **A.** Kiên Giang. **B.** An Giang. **C.** Cà Mau. **D.** Bình Thuận.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD &ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS THANH AM****Năm học 2022 – 2023****ĐL9-CKII-102** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II****MÔN ĐỊA LÍ 9****Thời gian: 45 phút*****(Ngày kiểm tra: 12/4/2023)*** |

***Học sinh tô chữ cái đầu đáp án đúng nhất cho các câu sau vào phiếu bài làm.***

**Câu 1.** Nhiệm vụ quan trọng trong ngành lâm nghiệp đang được các địa phương ở Đông Nam Bộ đầu tư là gì ?

 **A.** Phát triên công nghiệp sản xuất gỗ giấy. **B.** Tăng sản lượng gỗ khai thác.

 **C.** Bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn. **D.** Tìm thị trường cho việc xuất khẩu gỗ.

**Câu 2.** Khoáng sản có giá trị nhất ở vùng biển nước ta là gì?

 **A.** Dầu khí. **B.** Muối. **C.** Cát trắng. **D.** Titan.

**Câu 3.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, hai trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng?

 **A.** Rạch Giá; Sóc Trăng. **B.** Mĩ Tho; Sóc Trăng.

 **C.** Cần Thơ; Cà Mau. **D.** Cà Mau; Sóc Trăng.

**Câu 4.** Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 4 - 5, cho biết quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh/thành phố nào?

 **A.** Khánh Hòa. **B.** Bình Thuận. **C.** Quảng Ninh. **D.** Đà Nẵng.

**Câu 5.** Đặc điểm dân cư - xã hội **không** đúngvới Đông Nam Bộ là gì ?

 **A.** Có nhiều di tích lịch sử, văn hóa. **B.** Là vùng có dân số đông.

 **C.** Người dân năng động, sáng tạo. **D.** Mật độ dân số cao nhất cả nước.

**Câu 6.** Vùng nào có diện tích trồng cao su lớn nhất nước ta?

 **A.** Tây Nguyên. **B.** Đông Nam Bộ.

 **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 7.** Bãi biển Trà Cổ thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Hải Phòng. **B.** Kiên Giang. **C.** Khánh Hòa. **D.** Quảng Ninh.

**Câu 8.** Yếu tố nào sau đây **không** phải là lợi thế thu hút vốn đầu tư của nước ngoài vào Đông Nam Bộ?

 **A.** Lao động có chuyên môn kỹ thuật. **B.** Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên.

 **C.** Khí hậu nhiệt đới có một mùa khô. **D.** Cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng.

**Câu 9.** Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam trang 29, cho biết tổng GDP của đồng bằng sông Cửu Long là bao nhiêu?

 **A.** 202 293,8 tỉ đồng. **B.** 203 293,8 tỉ đồng.

 **C.** 205 293,8 tỉ đồng. **D.** 204 293,8 tỉ đồng.

**Câu 10.** Loại hình giao thông phổ biến ở khắp các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long là gì?

 **A.** Đường sông. **B.** Đường ô tô. **C.** Đường biển. **D.** Đường sắt.

**Câu 11.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết hai quần đảo nào sau đây có nhiều rạn san hô?

 **A.** Hoàng Sa và Trường Sa. **B.** Thổ Chu và Côn Sơn.

 **C.** Trường Sa và Cô Tô. **D.** Hoàng Sa và Côn Sơn.

**Câu 12.** Đâu là nguyên nhân chính gây ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Bão lớn và lũ nguồn về. **B.** Mưa bão trên diện rộng.

 **C.** Không có đê sông ngăn lũ. **D.** Mưa lớn và triều cường.

**Câu 13.** Yếu tố nào **không** ảnh hưởng đến sự phát triển cây cao su ở Đông Nam Bộ?

 **A.** Tỉ lệ dân thành thị cao. **B.** Khí hậu nóng ẩm quanh năm.

 **C.** Thị trường ổn định. **D.** Có đất xám, đất đỏ ba dan.

**Câu 14.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết vùng nào có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất nước ta?

 **A.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 15.** Khó khăn lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ để phát triển nông nghiệp là gì?

 **A.** Mùa khô kéo dài, thiếu nước nghiêm trọng. **B.** Diện tích đất canh tác không lớn.

 **C.** Cơ sở vật chất, kĩ thuật kém phát triển. **D.** Chậm chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

**Câu 16.** Đường bờ biển nước ta dài bao nhiêu km?

 **A.** 2360 km. **B.** 2632 km. **C.** 3260 km. **D.** 2500 km.

**Câu 17.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết vùng nào sau đây có diện tích trồng lúa lớn nhất cả nước?

 **A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

 **C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 18.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây lớn nhất ở Đông Nam Bộ?

 **A.** Đồng Nai. **B.** Bình Dương.

 **C.** Biên Hòa. **D.** Thành phố Hồ Chí Minh.

**Câu 19.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về vai trò của đồng bằng sông Cửu Long trong việc sản xuất lương thực, thực phẩm của cả nước?

 **A.** Phát triển mạnh chăn nuôi lợn, gia cầm.

 **B.** Cung cấp gần 30% sản lượng thuỷ sản của cả nước.

 **C.** Dẫn đầu cả nước về trồng mía, cây ăn quả.

 **D.** Sản xuất hơn 50% sản lượng lương thực toàn quốc.

**Câu 20.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết tuyến đường ô tô nào nối liền vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên?

 **A.** Quốc lộ 14 và 20. **B.** Quốc lộ 1 và 14. **C.** Quốc lộ 13 và 14. **D.** Quốc lộ 1 và 13.

**Câu 21.** Điều kiện thuận lợi để phát triển ngành giao thông vận tải biển ở nước ta là gì?

 **A.** Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió.

 **B.** Khối lượng hàng hóa luân chuyển tương đối lớn.

 **C.** Cả nước có khoảng 120 cảng biển lớn nhỏ.

 **D.** Các tuyến đường ven biển chủ yếu hướng Bắc - Nam.

**Câu 22.** Nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố giáp biển?

 **A.** 26. **B.** 25. **C.** 27. **D.** 28.

**Câu 23.** Nét đặc trưng của vùng địa lí thành phố Hà Nội là gì?

 **A.** Thành phố ngoài sông. **B.** Cực Nam của Việt Nam.

 **C.** Đồng bằng sông chín nhánh Rồng. **D.** Thành phố trong sông.

**Câu 24.** Các bộ phận nào hợp thành vùng biển nước ta?

 **A.** Lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và vùng thềm lục địa.

 **B.** Vùng nội thủy, vùng tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

 **C.** Vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải và các đảo.

 **D.** Vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

**Câu 25.** Ý nghĩa về mặt an ninh quốc phòng của các đảo và quần đảo ở nước ta là gì?

 **A.** Tạo việc làm và nâng cao đời sống của người dân vùng đảo Việt Nam.

 **B.** Hệ thống căn cứ để nước ta tiến ra biển.

 **C.** Cơ sở để khẳng định chủ quyền nước ta trên vùng biển và thềm lục địa.

 **D.** Cơ sở để khai thác các nguồn lợi thủy sản.

**Câu 26.** Lãnh hải của nước ta rộng bao nhiêu hải lí?

 **A.** 12. **B.** 13. **C.** 10. **D.** 11.

**Câu 27.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp biển?

 **A.** Gia Lai. **B.** Điện Biên. **C.** Cà Mau. **D.** Hà Giang.

**Câu 28.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào có sản lượng thủy sản khai thác cao nhất nước ta?

 **A.** Kiên Giang. **B.** An Giang. **C.** Cà Mau. **D.** Bình Thuận.

**Câu 29.** Vì sao nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông vận tải đường biển?

 **A.** Có vị trí ngã tư đường hàng hải quốc tế.

 **B.** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho xây dựng nhiều cảng biển.

 **C.** Có vai trò kết nối giữa đất liền và các đảo, quần đảo.

 **D.** Xu thế mở rộng quan hệ buôn bán quốc tế.

**Câu 30.** Biện pháp nào sau đây có vai trò quan trọng nhất góp phần tăng sản lượng khai thác hải sản ở nước ta?

 **A.** Hình thành các cảng cá dọc bờ biển. **B.** Xây dựng các nhà máy chế biến.

 **C.** Tập trung khai thác hải sản ven bờ. **D.** Đầu tư phương tiện đánh bắt xa bờ.

**Câu 31.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2016 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2016** |
| Tổng sản lượng thuỷ sản  | 2 250,5 | 3 465,9 | 5142,7 | 6895 |
| Khai thác | 1 660,9 | 1 987,9 | 2414,4 | 3237 |
| Nuôi trồng | 589,6 | 1 478,0 | 2728,3 | 3658 |

Từ bảng số liệu, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về sản lượng thủy sản nước ta, giai đoạn

2000 - 2016?

 **A.** Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác.

 **B.** Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn khai thác.

 **C.** Tổng sản lượng thủy sản tăng.

 **D.** Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng.

**Câu 32.** Vùng nào sau đây có nghề làm muối phát triển mạnh nhất nước ta?

 **A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 33.** Nguyên nhân nào làm cho nghề sản xuất muối phát triển mạnh ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ?

 **A.** Thủy triều thấp, ít ảnh hưởng các ruộng muối. **B.** Bãi biển phẳng, dễ xây dựng ruộng muối.

 **C.** Mùa khô kéo dài và có ít sông đổ ra biển. **D.** Có đường bờ biển dài, nắng quanh năm.

**Câu 34.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, sắp xếp các vùng kinh tế biển của duyên hải Nam Trung Bộ theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

 **A.** Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong.

 **B.** Chu Lai, Dung Quất, nam Phú Yên, Vân Phong, Nhơn Hội.

 **C.** Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Dung Quất Chu Lai, Vân Phong.

 **D.** Dung Quất, Nhơn Hội, nam Phú Yên, Chu Lai, Vân Phong.

**Câu 35.** Hà Nội thuộc vùng kinh tế nào?

 **A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Bắc Trung Bộ.

 **C.** Đông Nam Bộ. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 36.** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5 cho biếtđảo nào có diện tích lớn nhất nước ta?

 **A.** Phú Qúy. **B.** Phú Quốc. **C.** Cái Bà. **D.** Cái Bầu.

**Câu 37.** Theo sự phân chia hành chính, hiện nay Hà Nội gồm bao nhiêu quận, huyện, thị xã?

 **A.** 13 quận, 1 thị xã, 17 huyện. **B.** 12 quận, 1 thị xã, 17 huyện.

 **C.** 12 quận, 1 thị xã, 18 huyện. **D.** 14 quận, 1 thị xã, 17 huyện.

**Câu 38.** Vùng lãnh hải nước ta rộng 12 hải lí, khoảng cách này tương đương bao nhiêu km?

 **A.** 22,227 km. **B.** 22,225 km. **C.** 22,226 km. **D.** 22,224 km.

**Câu 39.** Tài nguyên nào dưới đây được coi là vô tận của vùng biển nước ta?

 **A.** Khí tự nhiên. **B.** Titan. **C.** Dầu mỏ. **D.** Muối.

**Câu 40.** Năm 2021 dân số Hà Nội là 8,33 triệu người, diện tích là 3359,82km2. Mật độ dân số của Hà Nội là bao nhiêu?

 **A.** 2499 người/km2. **B.** 2479 người/km2. **C.** 2489 người/km2. **D.** 2749 người/km2.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD &ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS THANH AM****Năm học 2022 – 2023****ĐL9-CKII-103** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II****MÔN ĐỊA LÍ 9****Thời gian: 45 phút*****(Ngày kiểm tra: 12/4/2023)*** |

**Câu 1.** Loại hình giao thông phổ biến ở khắp các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long là gì?

 **A.** Đường biển. **B.** Đường sông. **C.** Đường ô tô. **D.** Đường sắt.

**Câu 2.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, hai trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng?

 **A.** Cần Thơ; Cà Mau. **B.** Rạch Giá; Sóc Trăng.

 **C.** Mĩ Tho; Sóc Trăng. **D.** Cà Mau; Sóc Trăng.

**Câu 3.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết tuyến đường ô tô nào nối liền vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên?

 **A.** Quốc lộ 13 và 14. **B.** Quốc lộ 1 và 13. **C.** Quốc lộ 14 và 20. **D.** Quốc lộ 1 và 14.

**Câu 4.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết hai quần đảo nào sau đây có nhiều rạn san hô?

 **A.** Hoàng Sa và Côn Sơn. **B.** Hoàng Sa và Trường Sa.

 **C.** Trường Sa và Cô Tô. **D.** Thổ Chu và Côn Sơn.

**Câu 5.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về vai trò của đồng bằng sông Cửu Long trong việc sản xuất lương thực, thực phẩm của cả nước?

 **A.** Sản xuất hơn 50% sản lượng lương thực toàn quốc.

 **B.** Cung cấp gần 30% sản lượng thuỷ sản của cả nước.

 **C.** Phát triển mạnh chăn nuôi lợn, gia cầm.

 **D.** Dẫn đầu cả nước về trồng mía, cây ăn quả.

**Câu 6.** Vùng nào có diện tích trồng cao su lớn nhất nước ta?

 **A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Tây Nguyên.

 **C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 7.** Đâu là nguyên nhân chính gây ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Mưa lớn và triều cường. **B.** Không có đê sông ngăn lũ.

 **C.** Mưa bão trên diện rộng. **D.** Bão lớn và lũ nguồn về.

**Câu 8.** Đặc điểm dân cư - xã hội **không** đúngvới Đông Nam Bộ là gì ?

 **A.** Mật độ dân số cao nhất cả nước. **B.** Có nhiều di tích lịch sử, văn hóa.

 **C.** Là vùng có dân số đông. **D.** Người dân năng động, sáng tạo.

**Câu 9.** Nhiệm vụ quan trọng trong ngành lâm nghiệp đang được các địa phương ở Đông Nam Bộ đầu tư

là gì ?

 **A.** Phát triên công nghiệp sản xuất gỗ giấy.

 **B.** Tăng sản lượng gỗ khai thác.

 **C.** Bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn.

 **D.** Tìm thị trường cho việc xuất khẩu gỗ.

**Câu 10.** Yếu tố nào **không** ảnh hưởng đến sự phát triển cây cao su ở Đông Nam Bộ?

 **A.** Có đất xám, đất đỏ ba dan. **B.** Tỉ lệ dân thành thị cao.

 **C.** Thị trường ổn định. **D.** Khí hậu nóng ẩm quanh năm.

**Câu 11.** Khoáng sản có giá trị nhất ở vùng biển nước ta là gì?

 **A.** Cát trắng. **B.** Titan. **C.** Muối. **D.** Dầu khí.

**Câu 12.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây lớn nhất ở Đông Nam Bộ?

 **A.** Bình Dương. **B.** Thành phố Hồ Chí Minh.

 **C.** Đồng Nai. **D.** Biên Hòa.

**Câu 13.** Bãi biển Trà Cổ thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Hải Phòng. **B.** Kiên Giang. **C.** Khánh Hòa. **D.** Quảng Ninh.

**Câu 14.** Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam trang 29, cho biết tổng GDP của đồng bằng sông Cửu Long là bao nhiêu?

 **A.** 204 293,8 tỉ đồng. **B.** 202 293,8 tỉ đồng.

 **C.** 205 293,8 tỉ đồng. **D.** 203 293,8 tỉ đồng.

**Câu 15.** Khó khăn lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ để phát triển nông nghiệp là gì?

 **A.** Diện tích đất canh tác không lớn. **B.** Chậm chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

 **C.** Mùa khô kéo dài, thiếu nước nghiêm trọng. **D.** Cơ sở vật chất, kĩ thuật kém phát triển.

**Câu 16.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết vùng nào sau đây có diện tích trồng lúa lớn nhất cả nước?

 **A.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

 **C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 17.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết vùng nào có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất nước ta?

 **A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 18.** Đường bờ biển nước ta dài bao nhiêu km?

 **A.** 3260 km. **B.** 2360 km. **C.** 2500 km. **D.** 2632 km.

**Câu 19.** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh/thành phố nào?

 **A.** Đà Nẵng. **B.** Quảng Ninh. **C.** Bình Thuận. **D.** Khánh Hòa.

**Câu 20.** Yếu tố nào sau đây **không** phải là lợi thế thu hút vốn đầu tư của nước ngoài vào Đông Nam Bộ?

 **A.** Cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng. **B.** Lao động có chuyên môn kỹ thuật.

 **C.** Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên. **D.** Khí hậu nhiệt đới có một mùa khô.

**Câu 21.** Các bộ phận nào hợp thành vùng biển nước ta?

 **A.** Vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải và các đảo.

 **B.** Vùng nội thủy, vùng tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

 **C.** Vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

 **D.** Lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và vùng thềm lục địa.

**Câu 22.** Tài nguyên nào dưới đây được coi là vô tận của vùng biển nước ta?

 **A.** Dầu mỏ. **B.** Titan. **C.** Khí tự nhiên. **D.** Muối.

**Câu 23.** Điều kiện thuận lợi để phát triển ngành giao thông vận tải biển ở nước ta là gì?

 **A.** Các tuyến đường ven biển chủ yếu hướng Bắc - Nam.

 **B.** Khối lượng hàng hóa luân chuyển tương đối lớn.

 **C.** Cả nước có khoảng 120 cảng biển lớn nhỏ.

 **D.** Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió.

**Câu 24.** Vùng lãnh hải nước ta rộng 12 hải lí, khoảng cách này tương đương bao nhiêu km?

 **A.** 22,226 km. **B.** 22,224 km. **C.** 22,227 km. **D.** 22,225 km.

**Câu 25.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2016 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2016** |
| Tổng sản lượng thuỷ sản  | 2 250,5 | 3 465,9 | 5142,7 | 6895 |
| Khai thác | 1 660,9 | 1 987,9 | 2414,4 | 3237 |
| Nuôi trồng | 589,6 | 1 478,0 | 2728,3 | 3658 |

Từ bảng số liệu, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về sản lượng thủy sản nước ta, giai đoạn

2000 - 2016?

 **A.** Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn khai thác.

 **B.** Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác.

 **C.** Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng.

 **D.** Tổng sản lượng thủy sản tăng.

**Câu 26.** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5 cho biếtđảo nào có diện tích lớn nhất nước ta?

 **A.** Cái Bà. **B.** Phú Qúy. **C.** Cái Bầu. **D.** Phú Quốc.

**Câu 27.** Năm 2021 dân số Hà Nội là 8,33 triệu người, diện tích là 3359,82km2. Mật độ dân số của Hà Nội là bao nhiêu?

 **A.** 2479 người/km2. **B.** 2499 người/km2. **C.** 2749 người/km2. **D.** 2489 người/km2.

**Câu 28.** Nét đặc trưng của vùng địa lí thành phố Hà Nội là gì?

 **A.** Đồng bằng sông chín nhánh Rồng. **B.** Cực Nam của Việt Nam.

 **C.** Thành phố ngoài sông. **D.** Thành phố trong sông.

**Câu 29.** Nguyên nhân nào làm cho nghề sản xuất muối phát triển mạnh ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ?

 **A.** Có đường bờ biển dài, nắng quanh năm. **B.** Mùa khô kéo dài và có ít sông đổ ra biển.

 **C.** Thủy triều thấp, ít ảnh hưởng các ruộng muối. **D.** Bãi biển phẳng, dễ xây dựng ruộng muối.

**Câu 30.** Biện pháp nào sau đây có vai trò quan trọng nhất góp phần tăng sản lượng khai thác hải sản ở

nước ta?

 **A.** Xây dựng các nhà máy chế biến. **B.** Hình thành các cảng cá dọc bờ biển.

 **C.** Tập trung khai thác hải sản ven bờ. **D.** Đầu tư phương tiện đánh bắt xa bờ.

**Câu 31.** Nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố giáp biển?

 **A.** 26. **B.** 28. **C.** 25. **D.** 27.

**Câu 32.** Vùng nào sau đây có nghề làm muối phát triển mạnh nhất nước ta?

 **A.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 33.** Vì sao nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông vận tải đường biển?

 **A.** Xu thế mở rộng quan hệ buôn bán quốc tế.

 **B.** Có vị trí ngã tư đường hàng hải quốc tế.

 **C.** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho xây dựng nhiều cảng biển.

 **D.** Có vai trò kết nối giữa đất liền và các đảo, quần đảo.

**Câu 34.** Theo sự phân chia hành chính, hiện nay Hà Nội gồm bao nhiêu quận, huyện, thị xã?

 **A.** 14 quận, 1 thị xã, 17 huyện. **B.** 13 quận, 1 thị xã, 17 huyện.

 **C.** 12 quận, 1 thị xã, 17 huyện. **D.** 12 quận, 1 thị xã, 18 huyện.

**Câu 35.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp biển?

 **A.** Hà Giang. **B.** Điện Biên. **C.** Gia Lai. **D.** Cà Mau.

**Câu 36.** Hà Nội thuộc vùng kinh tế nào?

 **A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đông Nam Bộ.

 **C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 37.** Ý nghĩa về mặt an ninh quốc phòng của các đảo và quần đảo ở nước ta là gì?

 **A.** Cơ sở để khẳng định chủ quyền nước ta trên vùng biển và thềm lục địa.

 **B.** Cơ sở để khai thác các nguồn lợi thủy sản.

 **C.** Hệ thống căn cứ để nước ta tiến ra biển.

 **D.** Tạo việc làm và nâng cao đời sống của người dân vùng đảo Việt Nam.

**Câu 38.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào có sản lượng thủy sản khai thác cao nhất nước ta?

 **A.** An Giang. **B.** Cà Mau. **C.** Bình Thuận. **D.** Kiên Giang.

**Câu 39.** Lãnh hải của nước ta rộng bao nhiêu hải lí?

 **A.** 12. **B.** 13. **C.** 11. **D.** 10.

**Câu 40.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, sắp xếp các vùng kinh tế biển của duyên hải Nam Trung Bộ theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

 **A.** Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Dung Quất Chu Lai, Vân Phong.

 **B.** Chu Lai, Dung Quất, nam Phú Yên, Vân Phong, Nhơn Hội.

 **C.** Dung Quất, Nhơn Hội, nam Phú Yên, Chu Lai, Vân Phong.

 **D.** Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD &ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS THANH AM****Năm học 2022 – 2023****ĐL9-CKII-104** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II****MÔN ĐỊA LÍ 9****Thời gian: 45 phút*****(Ngày kiểm tra: 12/4/2023)*** |

***Học sinh tô chữ cái đầu đáp án đúng nhất cho các câu sau vào phiếu bài làm.***

**Câu 1.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết tuyến đường ô tô nào nối liền vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên?

 **A.** Quốc lộ 1 và 14. **B.** Quốc lộ 14 và 20. **C.** Quốc lộ 1 và 13. **D.** Quốc lộ 13 và 14.

**Câu 2.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây lớn nhất ở Đông Nam Bộ?

 **A.** Đồng Nai. **B.** Biên Hòa.

 **C.** Thành phố Hồ Chí Minh. **D.** Bình Dương.

**Câu 3.** Yếu tố nào sau đây **không** phải là lợi thế thu hút vốn đầu tư của nước ngoài vào Đông Nam Bộ?

 **A.** Cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng. **B.** Khí hậu nhiệt đới có một mùa khô.

 **C.** Lao động có chuyên môn kỹ thuật. **D.** Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên.

**Câu 4.** Loại hình giao thông phổ biến ở khắp các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long là gì?

 **A.** Đường ô tô. **B.** Đường sắt. **C.** Đường biển. **D.** Đường sông.

**Câu 5.** Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam trang 29, cho biết tổng GDP của đồng bằng sông Cửu Long là bao nhiêu?

 **A.** 204 293,8 tỉ đồng. **B.** 203 293,8 tỉ đồng.

 **C.** 202 293,8 tỉ đồng. **D.** 205 293,8 tỉ đồng.

**Câu 6.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về vai trò của đồng bằng sông Cửu Long trong việc sản xuất lương thực, thực phẩm của cả nước?

 **A.** Phát triển mạnh chăn nuôi lợn, gia cầm.

 **B.** Cung cấp gần 30% sản lượng thuỷ sản của cả nước.

 **C.** Dẫn đầu cả nước về trồng mía, cây ăn quả.

 **D.** Sản xuất hơn 50% sản lượng lương thực toàn quốc.

**Câu 7.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết vùng nào sau đây có diện tích trồng lúa lớn nhất cả nước?

 **A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Bắc Trung Bộ.

 **C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 8.** Đâu là nguyên nhân chính gây ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Mưa lớn và triều cường. **B.** Bão lớn và lũ nguồn về.

 **C.** Không có đê sông ngăn lũ. **D.** Mưa bão trên diện rộng.

**Câu 9.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết hai quần đảo nào sau đây có nhiều rạn san hô?

 **A.** Thổ Chu và Côn Sơn. **B.** Hoàng Sa và Côn Sơn.

 **C.** Trường Sa và Cô Tô. **D.** Hoàng Sa và Trường Sa.

**Câu 10.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết vùng nào có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất nước ta?

 **A.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 11.** Khoáng sản có giá trị nhất ở vùng biển nước ta là gì?

 **A.** Dầu khí. **B.** Titan. **C.** Muối. **D.** Cát trắng.

**Câu 12.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, hai trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng?

 **A.** Rạch Giá; Sóc Trăng. **B.** Mĩ Tho; Sóc Trăng.

 **C.** Cà Mau; Sóc Trăng. **D.** Cần Thơ; Cà Mau.

**Câu 13.** Nhiệm vụ quan trọng trong ngành lâm nghiệp đang được các địa phương ở Đông Nam Bộ đầu tư là gì ?

 **A.** Tìm thị trường cho việc xuất khẩu gỗ. **B.** Tăng sản lượng gỗ khai thác.

 **C.** Bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn. **D.** Phát triên công nghiệp sản xuất gỗ giấy.

**Câu 14.** Đặc điểm dân cư - xã hội **không** đúngvới Đông Nam Bộ là gì ?

 **A.** Có nhiều di tích lịch sử, văn hóa. **B.** Người dân năng động, sáng tạo.

 **C.** Là vùng có dân số đông. **D.** Mật độ dân số cao nhất cả nước.

**Câu 15.** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh/thành phố nào?

 **A.** Bình Thuận. **B.** Đà Nẵng. **C.** Khánh Hòa. **D.** Quảng Ninh.

**Câu 16.** Yếu tố nào **không** ảnh hưởng đến sự phát triển cây cao su ở Đông Nam Bộ?

 **A.** Có đất xám, đất đỏ ba dan. **B.** Khí hậu nóng ẩm quanh năm.

 **C.** Thị trường ổn định. **D.** Tỉ lệ dân thành thị cao.

**Câu 17.** Bãi biển Trà Cổ thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Khánh Hòa. **B.** Quảng Ninh. **C.** Kiên Giang. **D.** Hải Phòng.

**Câu 18.** Khó khăn lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ để phát triển nông nghiệp là gì?

 **A.** Cơ sở vật chất, kĩ thuật kém phát triển. **B.** Mùa khô kéo dài, thiếu nước nghiêm trọng.

 **C.** Diện tích đất canh tác không lớn. **D.** Chậm chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

**Câu 19.** Đường bờ biển nước ta dài bao nhiêu km?

 **A.** 3260 km. **B.** 2360 km. **C.** 2632 km. **D.** 2500 km.

**Câu 20.** Vùng nào có diện tích trồng cao su lớn nhất nước ta?

 **A.** Tây Nguyên. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

 **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 21.** Theo sự phân chia hành chính, hiện nay Hà Nội gồm bao nhiêu quận, huyện, thị xã?

 **A.** 14 quận, 1 thị xã, 17 huyện. **B.** 12 quận, 1 thị xã, 17 huyện.

 **C.** 12 quận, 1 thị xã, 18 huyện. **D.** 13 quận, 1 thị xã, 17 huyện.

**Câu 22.** Vùng nào sau đây có nghề làm muối phát triển mạnh nhất nước ta?

 **A.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

 **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 23.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp biển?

 **A.** Điện Biên. **B.** Gia Lai. **C.** Cà Mau. **D.** Hà Giang.

**Câu 24.** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5 cho biếtđảo nào có diện tích lớn nhất nước ta?

 **A.** Phú Quốc. **B.** Cái Bà. **C.** Cái Bầu. **D.** Phú Qúy.

**Câu 25.** Năm 2021 dân số Hà Nội là 8,33 triệu người, diện tích là 3359,82km2. Mật độ dân số của Hà Nội là bao nhiêu?

 **A.** 2489 người/km2. **B.** 2499 người/km2. **C.** 2479 người/km2. **D.** 2749 người/km2.

**Câu 26.** Vì sao nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông vận tải đường biển?

 **A.** Xu thế mở rộng quan hệ buôn bán quốc tế.

 **B.** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho xây dựng nhiều cảng biển.

 **C.** Có vị trí ngã tư đường hàng hải quốc tế.

 **D.** Có vai trò kết nối giữa đất liền và các đảo, quần đảo.

**Câu 27.** Nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố giáp biển?

 **A.** 27. **B.** 26. **C.** 28. **D.** 25.

**Câu 28.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào có sản lượng thủy sản khai thác cao nhất nước ta?

 **A.** Cà Mau. **B.** Bình Thuận. **C.** An Giang. **D.** Kiên Giang.

**Câu 29.** Nét đặc trưng của vùng địa lí thành phố Hà Nội là gì?

 **A.** Thành phố ngoài sông. **B.** Đồng bằng sông chín nhánh Rồng.

 **C.** Thành phố trong sông. **D.** Cực Nam của Việt Nam.

**Câu 30.** Lãnh hải của nước ta rộng bao nhiêu hải lí?

 **A.** 13. **B.** 11. **C.** 12. **D.** 10.

**Câu 31.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, sắp xếp các vùng kinh tế biển của duyên hải Nam Trung Bộ theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

 **A.** Chu Lai, Dung Quất, nam Phú Yên, Vân Phong, Nhơn Hội.

 **B.** Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Dung Quất Chu Lai, Vân Phong.

 **C.** Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong.

 **D.** Dung Quất, Nhơn Hội, nam Phú Yên, Chu Lai, Vân Phong.

**Câu 32.** Các bộ phận nào hợp thành vùng biển nước ta?

 **A.** Vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

 **B.** Vùng nội thủy, vùng tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

 **C.** Lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và vùng thềm lục địa.

 **D.** Vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải và các đảo.

**Câu 33.** Biện pháp nào sau đây có vai trò quan trọng nhất góp phần tăng sản lượng khai thác hải sản ở

nước ta?

 **A.** Hình thành các cảng cá dọc bờ biển. **B.** Đầu tư phương tiện đánh bắt xa bờ.

 **C.** Xây dựng các nhà máy chế biến. **D.** Tập trung khai thác hải sản ven bờ.

**Câu 34.** Ý nghĩa về mặt an ninh quốc phòng của các đảo và quần đảo ở nước ta là gì?

 **A.** Tạo việc làm và nâng cao đời sống của người dân vùng đảo Việt Nam.

 **B.** Hệ thống căn cứ để nước ta tiến ra biển.

 **C.** Cơ sở để khẳng định chủ quyền nước ta trên vùng biển và thềm lục địa.

 **D.** Cơ sở để khai thác các nguồn lợi thủy sản.

**Câu 35.** Hà Nội thuộc vùng kinh tế nào?

 **A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 36.** Nguyên nhân nào làm cho nghề sản xuất muối phát triển mạnh ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ?

 **A.** Mùa khô kéo dài và có ít sông đổ ra biển. **B.** Có đường bờ biển dài, nắng quanh năm.

 **C.** Bãi biển phẳng, dễ xây dựng ruộng muối. **D.** Thủy triều thấp, ít ảnh hưởng các ruộng muối.

**Câu 37.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2016 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2016** |
| Tổng sản lượng thuỷ sản  | 2 250,5 | 3 465,9 | 5142,7 | 6895 |
| Khai thác | 1 660,9 | 1 987,9 | 2414,4 | 3237 |
| Nuôi trồng | 589,6 | 1 478,0 | 2728,3 | 3658 |

Từ bảng số liệu, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về sản lượng thủy sản nước ta, giai đoạn

2000 - 2016?

 **A.** Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn khai thác.

 **B.** Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng.

 **C.** Tổng sản lượng thủy sản tăng.

 **D.** Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác.

**Câu 38.** Điều kiện thuận lợi để phát triển ngành giao thông vận tải biển ở nước ta là gì?

 **A.** Khối lượng hàng hóa luân chuyển tương đối lớn.

 **B.** Các tuyến đường ven biển chủ yếu hướng Bắc - Nam.

 **C.** Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió.

 **D.** Cả nước có khoảng 120 cảng biển lớn nhỏ.

**Câu 39.** Vùng lãnh hải nước ta rộng 12 hải lí, khoảng cách này tương đương bao nhiêu km?

 **A.** 22,227 km. **B.** 22,224 km. **C.** 22,226 km. **D.** 22,225 km.

**Câu 40.** Tài nguyên nào dưới đây được coi là vô tận của vùng biển nước ta?

 **A.** Titan. **B.** Muối. **C.** Khí tự nhiên. **D.** Dầu mỏ.